5.Củng cố, dặn dò	phủ xanh đất trống, đồi trọc? -> GV kết luận: *Rừng ở trung du Bắc Bộ cũng nh- rừng ở trên cả n-ớc cần phải đ-ợc bảo vệ, không khai thác bừa bãi, tích cực trồng rừng.* -GV nhận xét tiết học. -Dặn HS s-u tầm tranh, ảnh vùng đồng bằng Bắc Bộ.	-HS nghe. -HS nghe.

ĐỊA LÍ

Bài 11: **ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**

I/ MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS biết:

- Chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Trình bày một số đặc điểm của đồng bằng Bắc Bộ (hình dạng, sự hình thành, địa hình, sông ngòi), vai trò của hệ thống đê ven sông.
- Dựa vào bản đồ, tranh, ảnh, để tìm kiến thức.
- Có ý thức tôn trọng, bảo vệ các thành quả lao động của con ng- ời.

II/ ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Tranh ảnh về đồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng, đê ven sông.
- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ	-GV ổn định lớp.	-HS ổn định.
B. Bài mới		
1.Giới thiệu bài	-GV giới thiệu bài.	-HS nghe.
2.Đồng bằng lớn ở miền Bắc	-GV treo bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam, chỉ vị trí đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ.	-HS theo dõi
	-Yêu cầu HS dựa vào kí hiệu tìm vị trí ĐBBB ở l- ợc đồ trong SGK.	-HS tìm, chỉ theo nhóm 2.
	-Gọi HS lên bảng chỉ ĐBBB trên bản đồ và nói hình dạng	-Một vài em lên chỉ và trình bày: Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác với đỉnh ở Việt Trì, đáy là đ- ờng bờ biển.
		-HS đọc SGK, trả lời.
	-Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời + ĐBBB do phù sa sông nào bù đắp?	+ ĐBBB do phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình bối đắp.
	+ Đồng bằng có diện tích lớn thứ mấy trong các ĐB của n- ớc ta?	+ lớn thứ 2 sau đồng bằng Nam Bộ
	+ Địa hình đồng bằng có đặc điểm gì?	+ ĐBBB địa hình thấp, bằng phẳng. Sông uốn l- ợn quanh co
	-Gọi HS lên chỉ trên bản đồ và mô tả tổng hợp về ĐBBB	-2,3 HS thực hành chỉ bản đồ và mô tả
	-GV nhận xét, hoàn thiện câu trả lời.	-1 vài HS lên chỉ trên bản đồ.
3. Sông ngòi và hệ thống	-Yêu cầu HS quan sát hình 1, sau đó lên chỉ một số sông của ĐBBB và trả lời	

đê ngăn lũ	+ Tại sao sông có tên gọi là sông Hồng? -GV mô tả về sông Hồng (SGV 81) + Khi m- a nhiều, n- ớc sông ngòi, hồ, ao th- ờng nh- thế nào? + Mùa m- a của đồng bằng Bắc Bộ trùng với mùa nào trong năm? + Mùa m- a, n- ớc các sông ở đây ntn? -> GV nói về hiện t- ợng lũ lụt khi ch- a có đê: N- ớc các sông lên rất nhanh, cuồn cuộn tràn về làm ngập lụt cả đồng ruộng, cuốn trôi nhà cửa, phá hoại mùa màng, gây thiệt hại cho tính mạng và tài sản của ng- ời dân. + Ng- ời dân ĐBBB làm gì để ngăn lũ lụt? + Hệ thống đê có đặc điểm gì? + Ngoài việc đắp đê, ng- ời dân còn làm gì để sử dụng n- ớc các sông cho sản xuất? -GV kết luận: *Hàng năm, nhân dân ĐBBB đều kiểm tra đê điều, gia cố cho đê vững chắc.* *+ Chỉ ĐBBB trên bản đồ Địa lí TN.* *+ Trình bày đặc điểm địa hình, sông ngòi của ĐBBB.*	+ Sông có nhiều phù sa n- ớc quanh năm màu đỏ -HS nghe. + dâng cao + Mùa m- a trùng với mùa hạ + n- ớc các sông dâng cao th- ờng gây ngập lụt + Ng- ời dân đắp đê để ngăn lũ lụt. + Đê đắp dọc 2 bên bờ sông cao, vững chắc + Ng- ời dân còn đào kênh, m- ơng để t- ới tiêu cho đồng ruộng -HS nghe. -2,3 HS nêu.
4.Củng cố, dặn dò	-Cho HS đọc ghi nhớ. -GV nhận xét tiết học.	-HS đọc. -HS nghe.

ĐỊA LÍ

Bài: NG- ỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I/ MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS biết:

- Ng- ời dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là ng- ời Kinh. Đây là nơi dân c- tập trung đông đúc nhất cả n- ớc.

- Dựa vào tranh, ảnh để tìm kiến thức.

+ Trình bày một số đặc điểm về nhà ở, làng xóm, trang phục và lễ hội của ng- ời Kinh ở ĐBBB.

+ Sự thích ứng của con ng- ời với thiên nhiên thông qua cách xây dựng nhà ở của ng- ời dân ĐBBB.

- Tôn trọng các thành quả lao động của ng- ời dân và truyền thống văn hoá của dân tộc.

II/ ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Tranh, ảnh về nhà ở, trang phục, lễ hội của ng- ời dân ĐBBB.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ	*+ Chỉ ĐBBB trên bản đồ Địa lí TN.* *+ Trình bày đặc điểm địa hình, sông ngòi của ĐBBB.* -GV nhận xét, cho điểm.	-2 HS trả lời. -HS nhận xét.
B. Bài mới *1.Giới thiệu bài* *2.Chủ nhân của đồng bằng*	-GV giới thiệu bài. -Cho HS dựa vào SGK và trả lời câu hỏi: + ĐBBB là nơi đông hay th- a dân? + Ng- ời dân sống ở ĐB Bắc Bộ chủ yếu là dân tộc nào? -Yêu cầu Hs quan sát tranh ảnh nhà ở vùng ĐBBB để thảo luận + Làng của ng- ời Kinh ở ĐB Bắc Bộ có đặc điểm gì? + Nêu đặc điểm về nhà ở của ng- ời Kinh? Vì sao có những đặc điểm đó? + Làng ng- ời Việt cổ có đặc điểm gì? + Ngày nay, nhà ở và làng xóm của ng- ời dân ĐB Bắc Bộ có thay đổi nh- thế nào? -Gv nhận xét, hoàn thiện câu trả lời	-HS nghe. -HS trả lời + ĐBBB là nơi tập trung dân c- đông đúc nhất. + Chủ yếu là ng- ời Kinh. -HS thảo luận nhóm 4 -> phát biểu + Làng có nhiều ngôi nhà quây quần bên nhau... + Nhà đ- ợc xây dựng chắc chắn. Xung quanh có sân, v- ờn, ao,... + Làng th- ờng có luỹ tre xanh bao bọc, mỗi làng đều có một đình thờ Thành Hoàng... + Ngày nay nhà ở xây hiện đại hơn, trong nhà ngày càng tiện nghi hơn
3. Trang phục và lễ hội	-Yêu cầu các nhóm quan sát tranh, ảnh về trang phục, lễ hội, thảo luận	-HS quan sát, thảo luận nhóm 4 -> phát biểu.

	theo câu hỏi + Mô tả về trang phục truyền thống của ng- ời Kinh ở ĐBBB? + Họ tổ chức lễ hội vào thời gian nào? Nhằm mục đích gì? + Trong lễ hội có hoạt động gì ? + Kể tên một số lễ hội nổi tiếng ? -> *GV*: Trang phục truyền thống của ng- ời dân ĐBBB là: Nữ mặc váy đen, áo dài tứ thân, bên trong mặc yếm đỏ, đầu vấn tóc, chít khăn mỏ quạ, thắt l- ng ruột t- ợng. Nam mặc quần trắng, áo dài the, đầu đội khăn xếp màu đen.	-Vài HS mô tả. + vào mùa xuân và mùa thu để cầu cho một năm mới mạnh khoẻ, mùa màng bội thu. + tế lễ, vui chơi, giải trí,.. + hội Lim, hội Chùa H- ơng, hội Gióng,..
4.Củng cố, dặn dò	*+ Nêu những đặc điểm về nhà ở, làng xóm, trang phục và lễ hội của ng- ời dân ĐBBB.* -Cho HS đọc ghi nhớ. -GV nhận xét tiết học. -Dặn HS s- u tầm tranh, ảnh về hoạt động sản xuất vùng đồng bằng Bắc Bộ.	-2,3 HS nêu. -HS đọc. -HS nghe.

ĐỊA LÍ

Tiết 14:HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NG- ỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

I/MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS biết:

- Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu về hoạt động trồng trọt và chăn nuôi của ng- ời dân ĐBBB.(vựa lúa lớn thứ hai của đất n- ớc, là nơi nuôi nhiều lợn, gia cầm, trồng nhiều loại rau xứ lạnh).
- Các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo.
- Xác lập mối quan hệ giữa thiên nhiên, dân c- với hoạt động sản xuất.
- Tôn trọng, bảo vệ các thành quả lao động của ng- ời dân .

II/ ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC

- Tranh, ảnh về trồng trọt, chăn nuôi của ng- ời dân ĐBBB.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ *+ Nêu những đặc điểm về nhà ở, làng xóm, trang phục và lễ hội của ng- ời dân ĐBBB.* -GV nhận xét, cho điểm. **B. Bài mới** *1.Giới thiệu bài* -GV giới thiệu bài. *2. Vựa lúa lớn thứ hai của cả n- ớc* -Cho HS dựa vào SGK và trả lời câu hỏi: + ĐB Bắc Bộ có những thuận lợi nào để trở thành vựa lúa lớn thứ hai của đất n- - ớc ? + Nêu các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất ra lúa gạo ? -GV giải thích thêm về đặc điểm của cây lúa n- ớc, một số công việc trong quá trình sản xuất lúa gạo. + Kể các cây trồng, vật nuôi của ĐB Bắc Bộ ? *-> Ng- ời dân ĐBBB tần tảo, vất vả một nắng hai s- ơng để sản xuất ra lúa gạo, chúng ta cần quý trọng sức lao động và thành quả của họ.* *3.Vùng trồng nhiều rau xứ lạnh* -Cho HS dựa SGK và thảo luận + Mùa đông ở ĐB Bắc Bộ dài mấy tháng? Khi đó nhiệt độ nh- thế nào? + Nhiệt độ thấp có thuận lợi, khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp ? + Kể các loài rau xứ lạnh trồng ở ĐB Bắc Bộ ? -GV giải thích thêm về ảnh h- ởng của gió mùa đông bắc đối với thời tiết và khí	-2 HS trả lời. -HS nhận xét. -HS nghe. -HS trả lời + ĐBBB có đất phù sa màu mỡ, nguồn n- - ớc dồi dào, ng- ời dân có nhiều kinh nghiệm trồng lúa + Làm đất, gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa, chăm sóc lúa, gặt lúa, tuốt lúa, phơi thóc + Nơi đây còn trồng ngô, khoai, cây ăn quả, nuôi gia súc, gia cầm, nuôi và đánh bắt cá tôm... -HS nghe. -HS thảo luận nhóm 4 + Mùa đông lạnh kéo dài từ 3 đến 4 tháng. Nhiệt độ xuống thấp. + Thuận lợi: Trồng cây vụ đông (ngô, khoai tây, su hào, bắp cải, cà rốt, cà chua,...). Khó khăn: Rét quá thì lúa và một số loại cây bị chết. + Có su hào, bắp cải, cà rốt, xà lách,...